

VỀ HỆ THỐNG TƯỢNG THỜ TRONG QUÁN TRẦN VŨ, LONG BIÊN, HÀ NỘI

NGUYỄN ĐẠT THỨC*

Quán Trần Vũ (Long Biên) còn có tên gọi khác là “Hiển linh Trần Vũ quán”, đền Cự Linh, tọa lạc tại địa phận tổ dân phố số 7, phường Thạch Bàn, quận Long Biên. Đây là một trong 4 quán thờ Trần Vũ khá tiêu biểu trên địa bàn Hà Nội hiện nay¹.

Theo ghi chép trên tấm bia “Trần Vũ điện bi ký”, khắc năm Minh Mệnh nguyên niên (1820), hiện đang được lưu giữ tại đền: Đền Cự Linh xưa, tức quán Trần Vũ (Hiển Linh Trần Vũ quán) thuộc thôn Ngọc Trì, xã Cự Linh, huyện Gia Lâm, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc. Đến thời Bảo Đại, đền Cự Linh thuộc thôn Ngọc Trì, xã Cự Linh, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh.

Vì những giá trị văn hóa, khoa học và lịch sử tiêu biểu, đền Trần Vũ/Cự Linh đã được Nhà nước quyết định xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa quốc gia năm 1990.

Về hệ thống tượng thờ:

Cho đến nay, nhiều vấn đề liên quan đến hệ thống tượng thờ trong đền Cự Linh vẫn còn là ẩn số, việc giải mã những ẩn số này chắc chắn sẽ có những đóng góp quan trọng cho việc tìm hiểu hệ thống tượng thờ trong các đền/quán thờ Trần Vũ cũng như các quán Đạo giáo trên địa bàn Hà Nội nói riêng và ở nước ta nói chung.

Theo văn bia “Huyền Thiên Thượng đế bi ký”, khắc vào năm 1927: “Dựng xong quán, vua đã cho tạc tượng gỗ và bài vị để thờ. Khi tượng gỗ bị

hồng, quan viên cùng dân làng đã đúc tượng đồng để thay thế. Sau đó, thấy tượng đồng chưa tương xứng, đã tiến hành đúc lại”. Cũng theo mô tả của văn bia này, hệ tượng của đền Cự Linh trước đây (ít nhất là khoảng cuối thời Nguyễn) được an vị như sau:

- Tượng Trần Vũ (Huyền Thiên Thượng đế) an vị tại chính giữa điện (hậu cung hiện nay).

- Các tượng Thái Huyền Vô Thượng Thượng Đức Chân Quân, Tam Thiên Khai Hóa Đế Quân, Văn Xương Đế Quân, Chử Đồng Tử Đế Quân được an vị tại bên trái (bên tả), phía sau tượng Trần Vũ.

- Tượng Thánh Phụ - Tĩnh Lạc Quốc Vương Minh Chân Đại Đế an vị tại bên phải (bên hữu), phía sau tượng Trần Vũ.

- Tượng Thánh Mẫu - Thiện Thắng Hoàng Hậu Quỳnh Cung Thượng Tiên Nguyên Quân an vị bên trái (bên tả), phía sau tượng Trần Vũ.

- Hai dãy hai bên có các tượng 12 Nguyên soái (thập nhị Nguyên soái), 4 vị Linh quan (tứ vị Linh quan)”.

Như vậy, trước đây (cuối thời Nguyễn), trong đền Cự Linh có tất cả 23 pho tượng.

Kết quả khảo sát điền dã của chúng tôi cho thấy: hiện trong đền còn pho tượng Trần Vũ bằng chất liệu đồng; tượng Đức Thánh Sư (tên gọi theo cách ghi chú trên ban thờ của Ban Quản lý đền); 1 tượng Thánh Phụ và 1 tượng Thánh Mẫu (tên gọi theo cách ghi chú trên ban thờ của Ban Quản lý đền), đứng ở hai góc trong cùng. Tiếp tới là 8 tượng Nguyên soái (mỗi dãy 4 pho); 4 tượng Linh quan, 1

* Cục Di sản văn hóa

tượng Linh Lang, được tạc vào khoảng những năm 90 của thế kỷ này.

Như vậy, so với cuối thời Nguyễn, số tượng trong đền nay đã bị hư hoại hoặc thất lạc khá nhiều. Dưới đây, chúng tôi xin lần lượt điểm qua những nét chính về nghệ thuật tạo tượng và phần nào giải mã những ẩn số liên quan đến hệ thống tượng này.

+ Về tượng Trấn Vũ:

Tượng Trấn Vũ ở đền Cự Linh ngự trên bệ gạch xây (nay đã ốp gạch men), được đúc bằng đồng hun, cao khoảng 3.8m, nặng khoảng 4 tấn, có nhiều đặc điểm tương đồng với tượng Trấn Vũ ở đền Quan Thánh, từ chất liệu, chiều cao, cân nặng, thần thái cho đến tư thế ngồi, tay chống kiếm, kết ấn... Tuy nhiên, về họa tiết trang trí, hai tượng này cũng có một số điểm khác biệt. Tượng ngồi trong tư thế buông hai chân, đầu trần, tóc chải ngược lại phía sau, mặc y phục của võ tướng, tay trái kết ấn, tay phải tì lên đốc kiếm, thân kiếm có con rắn quấn quanh, hướng mũi kiếm cắm xuống lưng rùa. Cách thức tượng mang phong thái của một Đạo sĩ, gắn gũi với một Phù thủy. Từ cách thức tạo tượng, nhà nghiên cứu di sản văn hóa Trần Lâm Biền nhận định, tượng Trấn Vũ đền Cự Linh và đền Quan Thánh còn thể hiện thêm một chức năng trị thủy của cư dân nông nghiệp. Ở mặt nào đó, có thể coi Trấn Vũ là vị thần được gắn với chức năng chống lụt.

Xoay quanh niên đại của pho tượng này, đã có những nhận định khác nhau. Có ý kiến cho rằng, tượng được đúc vào thời Tây Sơn. Trong khi đó, nhà nghiên cứu di sản văn hóa Trần Lâm Biền, dựa trên những dấu tích về nghệ thuật trang trí trên tượng, như "nếp áo nhiều lớp, lượn sóng theo dạng biên cánh sen - đặc điểm thường thấy trên một số pho tượng thời Nguyễn", đã đưa ra một nhận định mang tính giả thiết để làm việc như sau: "nhiều khả năng tượng được đúc từ thời Nguyễn, khoảng thế kỷ XIX. Bởi cho đến nay chưa hề phát hiện được pho tượng thời Lê Trung Hưng nào được đúc theo phong cách nghệ thuật như vậy".

Theo văn bia "Trấn Vũ điện bi ký", dựng năm Minh Mệnh nguyên niên (1820): "Khi Lê Thánh Tông (1460 - 1496) đem quân đánh Chiêm Thành. Vua đã dừng chân, nghỉ lại ở địa phận xã Cự Linh, được thần Trấn Vũ ứng mộng. Vua cảm thấy xúc động, liền sai dân lập đền thờ, cho tạc tượng gỗ cùng bài

vị ghi: "Hiển Linh Trấn Vũ quán". Vua lại gia ân, ban cho dân làng sở tại một số ruộng đất để phục vụ hương hỏa cho đền. Đến năm Đinh Mão, niên hiệu Cảnh Hưng (1747), dân làng đã đúc tượng đồng thay cho tượng gỗ. Tuy nhiên, nhiều người đến đây chiêm bái cảm thấy tượng chưa "xứng" với quy mô của đền. Do đó, đến năm Mậu Thân (1788), tượng đồng Trấn Vũ đã được huy động đúc lại, năm Nhâm Tuất (1802) thì hoàn thành. Tượng này, vẫn tồn tại đến tận ngày nay".

Theo văn bia "Huyền Thiên Thượng đế bi ký", khắc năm Mậu Thìn, niên hiệu Bảo Đại năm thứ 3 (1927): "Trong quán của ấp ta, trước đây thờ bài vị, đặt trên long ngai. Bài vị khắc 5 chữ: "Hiển linh Trấn Vũ quán", bên cạnh bài vị này khắc 5 chữ "Phú Vương phủ tín cúng" (phủ Phú Vương cúng tiến). Dưới thời Lê Thánh Tông, vua đã ban chiếu cho tạc tượng gỗ để phụng sự. Sau đó khoảng 292 năm, dưới thời Lê Hiến Tông, vào năm Đinh Mão, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 8 (1747), tượng gỗ bị hư hỏng, vâng lệnh vua, các quan hợp sức với dân Ngọc Trì đúc lại tượng đồng phụng sự.

Như vậy, qua những tư liệu mà chúng tôi biên dẫn ở trên, những vấn đề liên quan đến niên đại của pho tượng Trấn Vũ ở đền Cự Linh hiện nay đã có phần sáng tỏ. Cụ thể, việc quan viên cùng nhân dân và thiện nam, tín nữ thập phương huy động công, của để đúc lại tượng vào năm 1788 là có cơ sở, nhưng có thể do những điều kiện về lịch sử xã hội (chiến tranh loạn lạc), hoặc do yếu tố nào đó nên phải đến năm 1802 tượng mới được đúc xong. "Đến năm Bình Thìn, niên hiệu Khải Định nguyên niên - 1916, ông Nguyễn Trinh Cán, một vị Tiên chỉ người trong làng, từng giữ chức Tu Soạn, Viện Hàn Lâm, nhận thấy tượng đồng bị rỉ, do lẫn nhiều tạp chất, đã thương thảo với các vị chức sắc trong làng, căn cứ theo "Thánh tích" (Thánh khoác áo bào màu đen), đã thuê thợ dùng sơn ta, pha thành màu đen sậm để sơn tượng nhằm bảo vệ cho muôn đời sau thờ phụng" - *Huyền Thiên Thượng đế bi ký*. Như vậy, về cơ bản, diện mạo bên ngoài pho tượng tại đền hiện nay là kết quả của đợt tu bổ này (năm 1916).

Qua đây, một vấn đề cần chú ý khi nghiên cứu, tìm hiểu hệ thống tượng pháp trong các công trình thờ tự nói riêng, trong kho tàng di sản văn hóa của dân tộc nói chung, được chúng tôi đặt ra là: Đối với hệ thống tượng pháp ở nước ta, việc sơn sửa lại,

thậm chí cải tạo từ tượng này thành tượng khác là một hiện tượng đã có tiền lệ trong lịch sử. Vì vậy, khi xem xét niên đại và phong cách tạo tượng, chúng ta không nên bỏ qua đặc điểm này.

+ Về các tượng Thái Huyền Vô Thượng Thượng Đức Chân Quân, Tam Thiên Khai Hóa Đế Quân, Văn Xương Đế Quân, Chử Đồng Tử Đế Quân:

Trước đây (ít nhất là vào cuối thời Nguyễn), hệ tượng này được an vị tại bên trái (bên tả), phía sau tượng Trấn Vũ. Nhưng qua khảo sát của chúng tôi, hiện nay, hệ tượng này đã mất hoặc thất lạc 3 pho. Vì vậy, những hiểu biết của chúng tôi về hệ tượng này, như niên đại, nghệ thuật tạo tác, chất liệu, cách bài trí cụ thể vẫn nằm trong “vùng mờ” của di sản văn hóa cổ truyền. Tuy nhiên, tương ứng với vị trí này, hiện trong đền vẫn còn một pho tượng mà Ban Quản lý đền ghi chú là tượng Đức Thánh Sư, được đắp bằng đất, bó hom bằng sơn ta, phong cách nghệ thuật thuộc thế kỷ XIX - XX, ngồi trong giáng dấp một vị quan, khiến chúng tôi ngờ rằng, có thể đây chính là tượng của Chử Đồng Tử.

+ Về tượng Thánh Phụ, Thánh Mẫu:

Trước đây (ít nhất là vào cuối thời Nguyễn), tượng Thánh Phụ - Tịnh Lạc Quốc Vương Minh Chân Đại Đế an vị tại bên phải (bên hữu), phía sau tượng Trấn Vũ; Tượng Thánh Mẫu - Thiên Thắng Hoàng Hậu Quỳnh Cung Thượng Tiên Nguyên Quân an vị bên trái (bên tả), phía sau tượng Trấn Vũ. Trên thực tế, hiện nay, hai tượng này được bố trí đứng ở hai góc trong, tiếp theo là hai dãy tượng Nguyên soái (cao khoảng 1.7m), tính từ trong hậu cung ra.

Tượng Thánh Phụ được đắp bằng đất, hom bó bằng sơn ta, đứng trong giáng dấp một vị vua, phong cách nghệ thuật thuộc cuối thế kỷ XIX - XX, an vị ở bên phải, phía bên, sau tượng Đức Thánh Trấn Vũ.

Tượng Thánh Mẫu được đắp bằng đất, hom bó bằng sơn ta, đứng trong giáng dấp một vị hoàng hậu, phong cách nghệ thuật thuộc cuối thế kỷ XIX - XX, an vị tại bên trái, phía sau tượng Đức Thánh Trấn Vũ.

Như vậy, cách an vị hai tượng này hiện nay đã bị thay đổi hẳn so với cách an vị vào cuối thời Nguyễn. Mặt khác, trong đa số các đền thờ của người Việt, khi Thánh Phụ và Thánh Mẫu được phối thờ cùng với con, thường được tạo tác ở tư thế ngồi

ng nghiêm trang, cùng hướng với tượng chính, không đặt tại các vị trí của thị giả hoặc bộ tướng. Một giả thiết để làm việc được chúng tôi đặt ra là, có lẽ, tượng Thánh Phụ và Thánh Mẫu đã mất, nên sau đó, người ta đã cải tạo, hoặc đắp lại ở vị trí hai tượng Nguyên soái. Đây là một biểu hiện của những nhận thức suy lạc và như có phần tùy tiện.

+ Về hai dãy tượng 12 Nguyên soái (thập nhị Nguyên soái):

Tại hai dãy này, ngoài 2 tượng đang được gọi là tượng Thánh Phụ, Thánh Mẫu như đã nêu trên, hiện chỉ còn 8 tượng Nguyên soái, cao khoảng 1.7m, được phân đều sang hai bên, sát tường hậu cung. Các tượng này cũng được đắp bằng đất, hom bó sơn ta, phong cách nghệ thuật thuộc thế kỷ XIX - XX, tư thế đứng oai phong như các võ tướng, đa phần các tượng đều có vẻ mặt khá dữ tợn, thậm chí được tạo tác dưới dạng “mặt quỷ”.

Về nguồn gốc thần thoại của 12 pho tượng này, hiện đang có nhiều ý kiến còn ngờ vực khi văn bia của đền khẳng định đây là tượng 12 Nguyên soái. Có thuyết lại cho rằng, 12 tượng này được đồng nhất với thủ lĩnh của 12 sứ quân².

Theo chúng tôi, thuyết này chưa thực sự thuyết phục, vì vài pho tượng ở đây có đầu dạng quỷ, gắn với Đạo giáo.

Qua khảo sát của chúng tôi, hiện nay tại đền Trấn Vũ còn lưu giữ được 26 ván khắc gỗ (dài khoảng 20 - 28cm; rộng khoảng 17 - 18cm; dày khoảng 1.7 - 2cm), có niên đại vào khoảng thế kỷ XIX, do chính bản đền tổ chức khắc. Trên mỗi mặt ván này, khắc 1 quẻ trong 64 quẻ thẻ (bằng chữ Hán), ghi rõ lời quẻ và lời giải theo từng cung số. Chúng tôi cũng đã từng bắt gặp những ván khắc dạng này tại một số địa điểm khác, như đền Lộng Khê - Thái Bình, Chùa Phùng Khoang - Hà Nội,... Điều đáng tiếc là, bộ ván ở đền Cự Linh hiện nay đã không còn đủ bộ.

Từ tư liệu trên, chúng ta có thể tin rằng, trước đây, đã có thời gian, đền Cự Linh là một trong những địa điểm có tục “bói thẻ/xóc thẻ”, đặc biệt là những sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng gắn với “Đạo giáo Phù thủy”.

Trong nhiều chức năng của Đức Thánh Trấn Vũ Cự Linh, một chức năng khiến chúng tôi đặc biệt chú ý ở đây là: “kiểm soát dân chúng, xét việc thiện, ác” - “Hàng năm, vào đúng ngày mùng 9 tháng 9 và

ngày 25 tháng 12, Ngài cùng các bộ tướng xuống hạ giới, kiểm soát dân chúng, xét việc thiện, ác" - *Huyền Thiên Thượng đế bị ký*. Như vậy, thời điểm Ngài hạ giới xét việc trần đúng vào dịp dân gian xưa thường làm lễ "dâng sao giải hạn" và "lễ tạ cuối năm" tại các Đạo quán.

Theo quan niệm dân gian cũng như cách diễn giải mang tính "vũ trụ luận" của các thầy Phù thủy: Trong vũ trụ có sao Mộc Tinh, còn được gọi là sao Thái Tuế. Sao này vận hành quay quanh mặt trời và cứ 12 năm thì quay hết 1 vòng. Mỗi năm, sao đi qua một cung trên đường Hoàng Đạo, ứng với 12 cung, từ Tí đến Hợi (12 con giáp). Khi sao Thái Tuế đi vào cung nào thì năm ấy được gọi tên tương ứng với tên của cung đó và được coi là sao chủ. Sao chủ này sẽ quyết định vận số, hoạt động của dân sinh trong năm ấy. Trong một chu kỳ 12 năm của sao Thái Tuế, sẽ có 12 vị Đương Niên Hành Khiển (quan Hành Khiển) lần lượt thay nhau cai quản việc của hạ giới (mỗi vị cai quản 1 năm).

Trong tâm thức dân gian, 12 quan Đương Niên Hành Khiển gồm:

Năm Tí: Chu Vương Hành Khiển, Lý Tào Phán Quan, Đại Bại Quỷ Vương, Thiên Ôn Hành Binh chi thần.

Năm Sửu: Triệu Vương Hành Khiển, Khúc Tào Phán Quan, Thiên Cương Quỷ Vương, Tam Thập Lục Thương Hành Binh chi thần.

Năm Dần: Ngụy Vương Hành Khiển, Tiêu Tào Phán Quan, Động Không Quỷ Vương, Hành Lý Mộc Tinh Hành Binh chi thần.

Năm Mão: Trịnh Vương Hành Khiển, Liễu Tào Phán Quan, Thái Tuế Tinh Quân, Thạch Tinh Hành Binh chi thần.

Năm Thìn: Sở Vương Hành Khiển, Biều Tào Phán Quan, Bạch Thọ Quỷ Vương, Hỏa Tinh Hành Binh chi thần.

Năm Tị: Ngô Vương Hành Khiển, Hứa Tào Phán Quan, Trương Lương Vương, Thiên Hao Hành Binh chi thần.

Năm Ngọ: Tản Vương Hành Khiển, Ngọc Tào Phán Quan, Bá Minh Quỷ Vương, Thiên Đình Địa Hao Hành Binh chi thần.

Năm Mùi: Tống Vương Hành Khiển, Lâm Tào Phán Quan, Thiên Ma Quỷ Vương, Ngũ Đạo Hành Binh chi thần.

Năm Thân: Tề Vương Hành Khiển, Tống Tào Phán

Quan, Động Long Quỷ Vương, Ngũ Miếu Hành Binh chi thần.

Năm Dậu: Lỗ Vương Hành Khiển, Cự Tào Phán Quan, Lang Ma Quỷ Vương, Ngũ Nhạc Hành Binh chi thần.

Năm Tuất: Việt Vương Hành Khiển, Thành Tào Phán Quan, Bạch Tề Quỷ Vương, Thiên Bá Hành Binh chi thần.

Năm Hợi: Lưu Vương Hành Khiển, Nguyễn Tào Phán Quan, Đại Bại Quỷ Vương, Ngũ Ôn Hành Binh chi thần.

Ở đây cũng cần phải thừa nhận, hiện tượng sùng bái và tin vào việc mỗi năm có 1 vị Đương Niên Hành Khiển ở nước ta có sự ảnh hưởng bởi những lý luận từ người phương Bắc nhưng cũng có sự khác biệt đáng kể. Theo quan điểm của chúng tôi, tục này được hình thành từ vũ trụ quan dân gian phương Đông thời cổ đại, gắn liền với tín ngưỡng sùng bái sao và sùng bái Trời. Sau đó, người Trung Hoa có thể đã dựa vào đây để tập hợp thành hệ thống lý luận. Trong văn hóa dân gian Trung Hoa, các vị quan coi sóc việc dưới trần gian trong năm gồm 60 vị và được lập đền thờ riêng ở nhiều nơi, thường được gọi là "điện Thái Tuế" - đền Thái Tuế, đền thờ Sao.

Về sự khác biệt này, chúng tôi tạm thời đưa ra lý giải như sau: Trong quan niệm của người Trung Hoa, 1 năm là sự kết hợp sự vận hành giữa 1 Thiên Can và 1 Địa Chi. Có tất cả 10 Thiên Can và 12 địa chi. 10 Thiên Can kết hợp với 12 địa chi sẽ tạo thành 60 năm, tức 1 Nguyên. Trong một Nguyên, nếu lấy năm Giáp Tí là năm khởi đầu, thì năm cuối cùng sẽ là năm Quý Hợi. Như vậy, trong một Nguyên, sẽ có 6 năm Giáp, 6 năm Ất, 6 năm Bính, 6 năm Đinh, 6 năm Mậu, 6 năm Kỷ, 6 năm Canh, 6 năm Tân, 6 năm Quý. Từ cách tính này mà trong dân gian Trung Hoa đã hình thành 60 vị quan coi sóc việc dưới trần gian trong năm, tức là cứ 60 năm (1 Nguyên) thì 1 vị quan lại được cai quản nhân gian 1 năm. Trong khi đó, số lượng các quan dạng này trong tâm thức dân gian Việt chỉ là con số 12, tức 12 năm thì 1 vị quan được cai quản trần gian 1 lần.

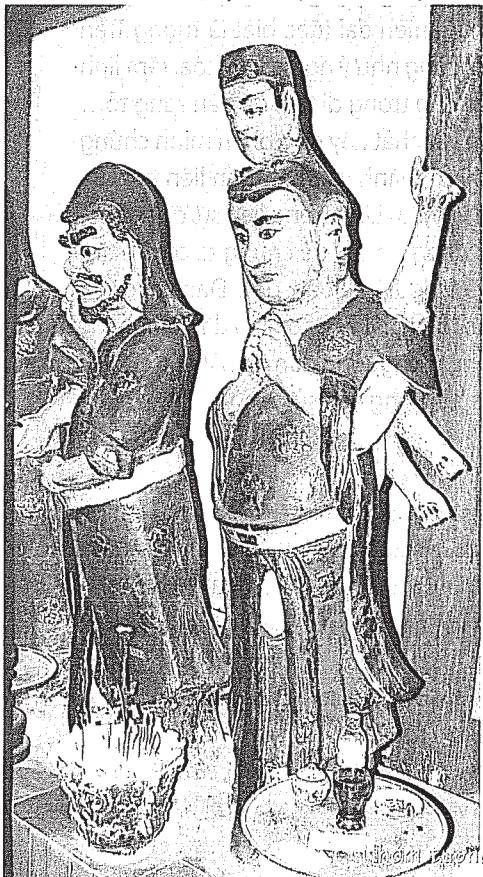
Rõ ràng, qua sự khác biệt từ hiện tượng sùng bái này, chúng ta nhận thấy, người Việt như có phần trọng yếu tố âm hơn yếu tố dương. Từ đó dẫn tới một hệ quả là, vũ trụ quan và nhân sinh quan của người Việt có nhiều điểm khác biệt so với người



Tượng Trần Vũ (Quán Thánh) - Ảnh: Tác giả



Tượng Trần Vũ (Long Biên) - Ảnh: Tác giả



phương Bắc, cho dù một thời gian dài, đất Việt đã từng bị phương Bắc xâm lược và đô hộ. Điều này phần nào đã lý giải về nguyên nhân trường tồn của đất Việt, với một nền tư chủ riêng trong suốt tiến trình lịch sử và cũng lý giải được phần nào về tư duy thực dụng mang tính chất Việt. Đây là một đặc điểm rất quan trọng khi xem xét và giải mã những vấn đề về lịch sử - văn hóa Việt nói chung, di sản văn hóa Việt nói riêng.

Cho đến nay, tín niệm về quan Đương Niên Hành Khiển vẫn còn khá phổ biến trong dân gian Việt. Hàng năm vào dịp Giao thừa, trong lễ cúng gia tiên, ngoài việc kính cáo trước thần linh, tổ tiên, kẻ hành lễ không thể quên khẩn vị quan Hành Khiển của năm, thậm chí nhiều gia đình còn thờ thêm bài vị quan Đương Niên Hành Khiển.

Trong nghệ thuật điêu khắc Việt, chúng tôi cũng đã bắt gặp hình tượng 12 quan Hành Khiển (dạng phù điêu) trên chuông chùa Quảng Bá, Hà Nội và một số địa điểm khác nữa...

Theo Hồ sơ di tích đền Quan Thánh (tư liệu Cục Di sản văn hóa), văn bia "Trùng tu Trấn Vũ quán bi" cho biết: Vào khoảng thế kỷ XIX, trong một đợt trùng tu đền Quán Thánh đã "...đắp lại 4 pho tượng Đại Nguyên soái, tượng thần Đương Niên Hành Khiển, rồi rước lên thờ ở tiền đường..."³. Nhưng rất tiếc là bộ tượng này nay đã bị thất lạc.

Từ những biện dẫn trên và một số đặc điểm tương đồng giữa đền Cự Linh (Long Biên) và đền Quán Thánh (Ba Đình), một giả thiết để làm việc được chúng tôi đặt ra là, có lẽ, trước đây (chí ít là vào cuối thời Nguyễn), đền Quan Thánh chủ yếu mang chức năng trấn phía Bắc, nhưng ở đền Cự Linh, ngoài tượng Trấn Vũ còn có tượng 12 quan Đương Niên Hành Khiển, mà hiện nay ở đây chỉ còn lại 8 pho. Đây là một chi tiết tương đối quan trọng trong việc tìm hiểu Đạo giáo dân gian cũng như Đạo giáo Phù thủy ở nước ta, góp phần lý giải phần nào về tính đa dạng trong tín ngưỡng dân gian Việt.

+ Về tượng tứ vị Linh quan:

Tượng tứ vị Linh quan được đặt đăng đối ở hai bên gian giữa của tòa đại bái và trung đường, tạc bằng đá, cao khoảng 1.5m, đầu đội mũ trụ, mình mặc giáp, tay bồng kiếm, trong tư thế võ sĩ đứng canh, phong cách nghệ thuật vào khoảng niên đại thế kỷ XIX, có rất nhiều đặc điểm gần gũi với các tượng võ sĩ đứng canh lăng mộ có niên đại vào

khoảng thời Nguyễn. Căn cứ theo ghi chép của văn bia "Huyền Thiên Thượng đế bị ký", có lẽ 4 tượng này vẫn được an vị đúng vị trí ban đầu. Gần đây, bốn tượng này đã bị phủ sơn, trông khá lờ lợt. Về ý nghĩa và nguồn gốc thần thoại của 4 pho tượng này, hiện chúng tôi chưa có nhiều cơ sở để khẳng định hoặc lý giải. Tuy nhiên, điều khiến chúng tôi đặc biệt chú ý là, trong hệ thống các Đạo quán, cũng như đền thờ ở Việt Nam, bộ tượng này như là một hiện tượng cá biệt. Việc đi sâu vào tìm hiểu, giải mã những vấn đề liên quan đến bộ tượng này vẫn đang là vấn đề đặt ra, thách thức cho những nhà nghiên cứu.

+ Về tượng Linh Lang:

Tượng Linh Lang, bằng chất liệu gỗ, sơn son thếp vàng, ngôi trên bệ trong dáng dấp của một vị quan, mới được tạc vào khoảng những năm 90 của thế kỷ XX, hiện đang được an vị trong khám thờ tại gian bên phải của tòa tiền tế. Có thể nói, đây là một sản phẩm như có tính thương mại, không hàm chứa nhiều giá trị nghệ thuật, nhưng không hẳn đã kém ý nghĩa về mặt tín ngưỡng, tâm linh trong tâm thức dân gian.

Từ việc tìm hiểu giá trị và giải mã một số vấn đề liên quan đến hệ thống tượng trong quán Trấn Vũ - Long Biên, vấn đề niên đại (đặc biệt là tượng Trấn Vũ), cách bài trí, cũng như ý nghĩa văn hóa, tâm linh của hệ thống tượng trong di tích đã dần sáng tỏ... Những dấu tích vật chất này góp phần minh chứng cho quá trình hình thành và phát triển liên tục của quán/đền Trấn Vũ ở Cự Linh trong lịch sử, đồng thời cũng tạo cơ sở đáng tin cậy để chúng ta có thể tìm hiểu những vấn đề liên quan đến Đạo giáo, hệ tượng Đạo giáo (đặc biệt là Đạo giáo dân gian), tục thờ Trấn Vũ trong tín ngưỡng dân gian Việt ở Hà Nội và khu vực Bắc bộ trong lịch sử.

N.D.T

Chú thích:

1- Theo khảo sát của chúng tôi, trên địa bàn Hà Nội hiện nay, ít nhất còn 4 quán thờ Trấn Vũ: 1) quán Trấn Vũ - Quán Thánh, Ba Đình, 2)- quán Trấn Vũ - Long Biên, 3)- Huyền Thiên đại quán - Đông Anh, Huyền Thiên cổ quán - Đông Xuân, Hoàn Kiếm.

2- Xem thêm: Phan Cẩm Thượng, *Văn minh vật chất của người Việt*, Nxb. Tri Thức, 2011.

3- Hồ sơ xếp hạng di tích đền Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội (tư liệu Cục Di sản văn hóa).